

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI**  
Số: 79 /CTCN-2021

V/v giải trình lợi nhuận năm 2020 so với năm 2019 đã có Báo cáo Kiểm toán độc lập

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày 29 tháng 3 năm 2021

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NGÃI**  
**QNW**

17 Phan Chu Trinh - phường Nguyễn Nghiêm - TP Quảng Ngãi - Tỉnh Quảng Ngãi  
4300326264

Tên cổ phiếu:

Mã cổ phiếu:

Địa chỉ:

Mã số thuế:

Người đại diện:

Ông NGUYỄN ĐĂNG ĐỢ

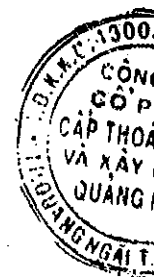
Chức vụ: Giám Đốc

Căn cứ thông tư số 96/2020/TT-BTC có hiệu lực ngày 01/01/2021 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán quy định giải trình cụ thể khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

Công ty CP Cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi giải trình về việc lợi nhuận năm 2020 so với năm 2019 cụ thể như sau :

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	CÔNG TY MẸ				HỢP NHẤT			
		Năm 2020	Năm 2019	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)	Năm 2020	Năm 2019	Tăng/giảm	Tỷ lệ(%)
1	2	3	4	5=3-4	6=5/4	7	8	9=7-8	10=9/8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	74.787.562.528	66.829.105.963	7.958.456.565		74.787.562.528	66.829.105.963	7.958.456.565	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0	0		0	0	0	
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> <b>(10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>74.787.562.528</b>	<b>66.829.105.963</b>	<b>7.958.456.565</b>	<b>12%</b>	<b>74.787.562.528</b>	<b>66.829.105.963</b>	<b>7.958.456.565</b>	<b>12%</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	54.562.285.179	51.703.137.863	2.859.147.316	6%	54.562.285.179	51.703.137.863	2.859.147.316	6%
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp</b> <b>(20=10-11)</b>	<b>20</b>	<b>20.225.277.349</b>	<b>15.125.968.100</b>	<b>5.099.309.249</b>	<b>34%</b>	<b>20.225.277.349</b>	<b>15.125.968.100</b>	<b>5.099.309.249</b>	<b>34%</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.677.555.739	6.836.037.771	(2.158.482.032)	-32%	4.898.350.529	7.049.232.810	(2.150.882.281)	-31%
7. Chi phí tài chính	22	3.205.153.798	2.991.956.918	213.196.880	7%	3.205.153.798	2.991.956.918	213.196.880	7%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	3.205.153.798	2.991.956.918	213.196.880		3.205.153.798	2.991.956.918	213.196.880	
8. Chi phí bán hàng	25	3.416.343.664	1.909.736.500	1.506.607.164	79%	3.416.343.664	1.909.736.500	1.506.607.164	79%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	9.904.282.231	5.998.048.052	3.906.234.179	65%	9.985.856.534	6.073.414.317	3.912.442.217	64%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> <b>(30=20+(21-22)-(25+26)</b>	<b>30</b>	<b>8.377.053.395</b>	<b>11.062.264.401</b>	<b>(2.685.211.006)</b>	<b>-24%</b>	<b>8.516.273.882</b>	<b>11.200.093.175</b>	<b>(2.683.819.293)</b>	<b>-24%</b>
11. Thu nhập khác	31	7.938.659	27.875.069	(19.936.410)		7.938.659	27.875.069	(19.936.410)	
12. Chi phí khác	32	3.867.627.679	315.326.750	3.552.300.929	1127%	3.867.627.679	315.326.750	3.552.300.929	1127%
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>	<b>(3.859.689.020)</b>	<b>(287.451.681)</b>	<b>(3.572.237.339)</b>		<b>(3.859.689.020)</b>	<b>(287.451.681)</b>	<b>(3.572.237.339)</b>	
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>	<b>4.517.364.375</b>	<b>10.774.812.720</b>	<b>(6.257.448.345)</b>	<b>-58%</b>	<b>4.656.584.862</b>	<b>10.912.641.494</b>	<b>(6.256.056.632)</b>	<b>-57%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	969.823.845	2.368.874.358	(1.399.050.513)	-59%	989.314.713	2.396.440.113	(1.407.125.400)	-59%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	0	0		0	0	0	
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> <b>(60=50-51-52)</b>	<b>60</b>	<b>3.547.540.530</b>	<b>8.405.938.362</b>	<b>(4.858.397.832)</b>	<b>-58%</b>	<b>3.667.270.149</b>	<b>8.516.201.381</b>	<b>(4.848.931.232)</b>	<b>-57%</b>
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ						3.619.378.301	8.472.096.173		
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát						47.891.848	44.105.208		
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu						181	348		
21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu						181	348		



**BCTC CÔNG TY MẸ**

- Lợi nhuận trong năm 2020 giảm với lý do : Doanh thu bán hàng tăng 12 %, doanh thu hoạt động tài chính giảm 32%.
  - Trong khi : - giá vốn hàng bán chỉ tăng 6%
  - Chi phí bán hàng tăng cao hơn 70 % và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 65% ( chi phí trích lập dự phòng tăng cao).
  - Chi phí xử lý tổn thất đầu tư dự án được đưa vào trong năm là 3.701.398.732 đ dẫn đến chi phí khác tăng rất cao.
- Dẫn đến lợi nhuận trong năm 2020 giảm 58 %.

**BCTC HỢP NHẤT**

- Lợi nhuận trong năm 2020 giảm với lý do : Doanh thu bán hàng tăng 12 %, doanh thu hoạt động tài chính giảm 31%.
  - Trong khi : - giá vốn hàng bán chỉ tăng 6%
  - Chi phí bán hàng tăng cao hơn 70 % và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 65% ( chi phí trích lập dự phòng tăng cao).
  - Chi phí xử lý tổn thất đầu tư dự án được đưa vào trong năm là 3.701.398.732 đ dẫn đến chi phí khác tăng rất cao.
- Dẫn đến lợi nhuận trong năm 2020 giảm 57 %.

Trân Trọng!

Nơi nhận:  
- Như trên.  
- Lưu P.Kế toán, P.HC

